TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NH A DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thúy Nga.
2. Ông Hoàng Văn Đông.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nh A d A huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh K - sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 135/VĐT, ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: tổ 5, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng D - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 135/VĐT, ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ tạm trú: tổ 5, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2021; bản tự khai ngày 23/11/2021 nguyên đơn là anh K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Hồng D tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2011. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Hiện nay, anh và chị D đã không còn chung sống với nhau nữa. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị D nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Hồng D.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị Hồng D có 02 con chung tên là Nguyễn Gia H - sinh ngày 04/3/2012 và Nguyễn Gia A – sinh ngày 16/3/2018. Khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung là cháu H và cháu A cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Hồng D: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 306/2021/TB-TLVA ngày 05 tháng 10 năm 2021 cho chị D n H không tống đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Chị Trần Thị Hồng D không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải n H không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó chị D không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng d A sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng d A sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nh A giữa anh K và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nh A không đạt được nên yêu cầu

xin ly hôn của anh K là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của K.

Về con chung: Anh K và chị D có 02 con chung tên là Nguyễn Gia H - sinh ngày 04/3/2012 và Nguyễn Gia A – sinh ngày 16/3/2018. Khi ly hôn anh K đồng ý giao cháu H và cháu A cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu H và cháu A đang sống cùng chị D được chị D nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị D. Vì vậy, cần giao cháu H và cháu A cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh K chịu 300.000 đồng án phí d A sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nh A gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị Trần Thị Hồng D hiện cư trú tại ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng d A sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh K yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Trần Thị Hồng D nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Anh K là nguyên đơn; chị Trần Thị Hồng D là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng d A sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Thị Hồng D đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng d A sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh K và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân xã Vĩnh An, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2012 nên được công nhận là hôn nh A hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh K: Anh K xin ly hôn với lý do cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống đã sống ly th A và anh K cũng không còn tình cảm với chị D. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng anh K và chị D thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của anh K, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh K, chị D thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nh A và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nh A lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nh A không đạt được. Mặt khác, chị D không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện chị D không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh K, chị D đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K, giải quyết cho anh K được ly hôn với chị D theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nh A và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Anh K và chị D có 02 con chung tên Nguyễn Gia H - sinh ngày 04/3/2012 và Nguyễn Gia A – sinh ngày 16/3/2018. Anh K đồng ý giao 02 con chung là cháu H và cháu A cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện cháu H và cháu A hiện đang được chị D nuôi dưỡng, đang phát triển bình thường, cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng chị D. Xét thấy việc giao cháu H và cháu A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo được việc phát triển bình thường của các con chung. Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu A cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nh A và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh K có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Anh K chịu 300.000 đồng tiền án phí d A sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nh A gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng d A sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nh A và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nh A: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K. Anh K được ly hôn với chị Trần Thị Hồng D.

2) Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H - sinh ngày 04/3/2012 và Nguyễn Gia A – sinh ngày 16/3/2018 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh K có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung*:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nh A gia đình được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số 0003251 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh K đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Anh K và chị Trần Thị Hồng D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án d A sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án d A sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh An, H.Ba Tri, T.Bến Tre;
(Giấy CNKH số 10;
Quyển số 01/2012 ngày 13/3/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM